



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH

Ngày 30/09/2025	13,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.0%	-8.0%	-

DT thuần Q3/25
146
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.0 18.4%
YoY: ▲ 36.0 32.4%

LN thuần Q3/25
-20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.50 -8.2%
YoY: ▼ 30.5 -294%

LN sau thuế Q3/25
-20.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.30 -6.7%
YoY: ▼ 29.8 -324%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-5.1%
YoY: +/- ▲ 1.4%

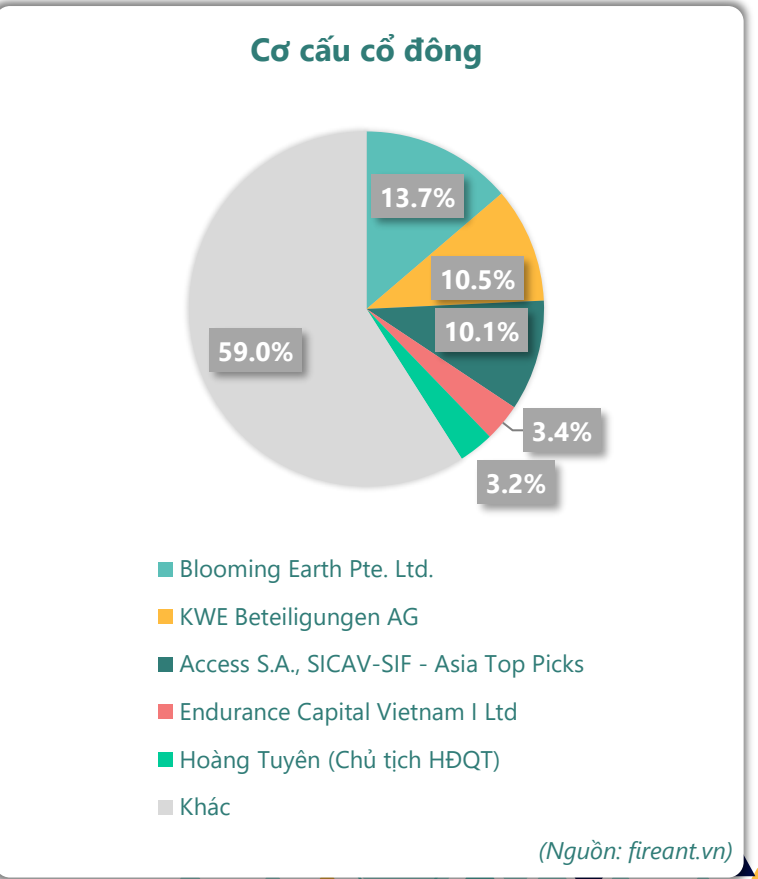
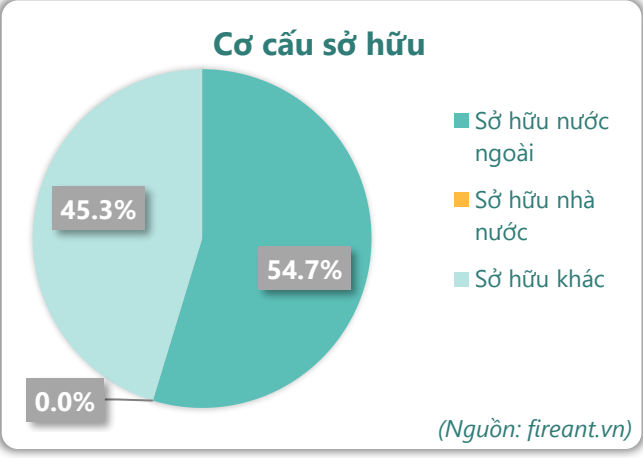
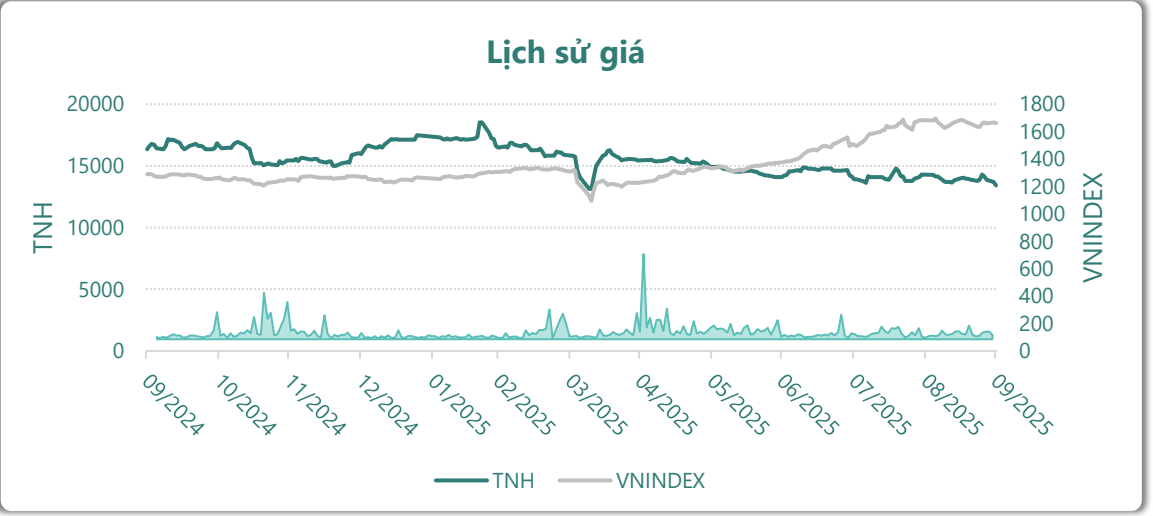
ROE (TTM) Q3/25
-5.1%
YoY: +/- ▼ 1.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,130 - 18,522
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,221
Số lượng CPLH (CP)	165,751,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)	372,634
Sở hữu nước ngoài	54.7%
Beta	0.81
EPS	-532
P/E	-25.2

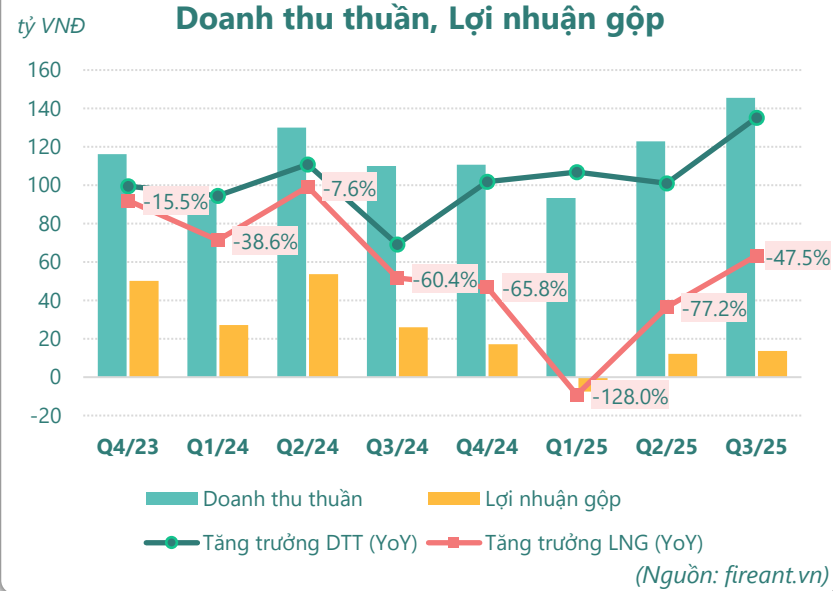
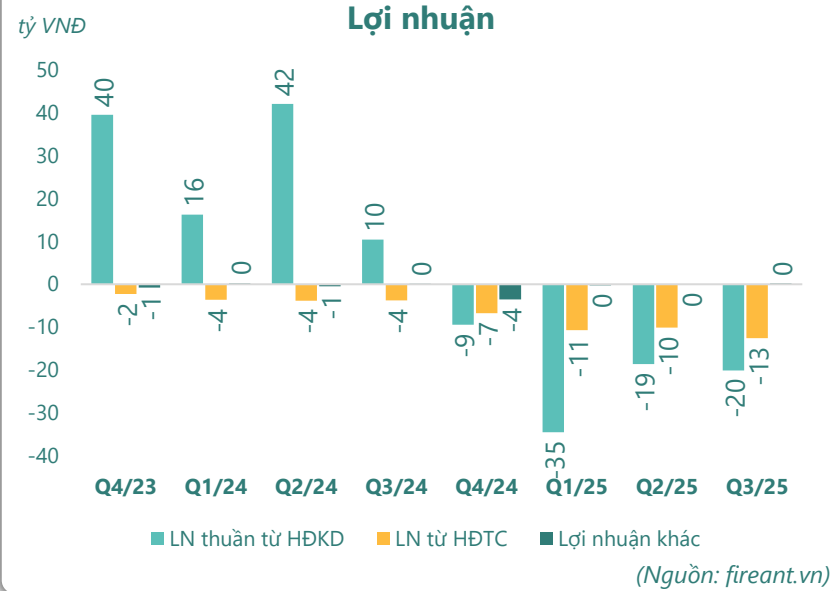
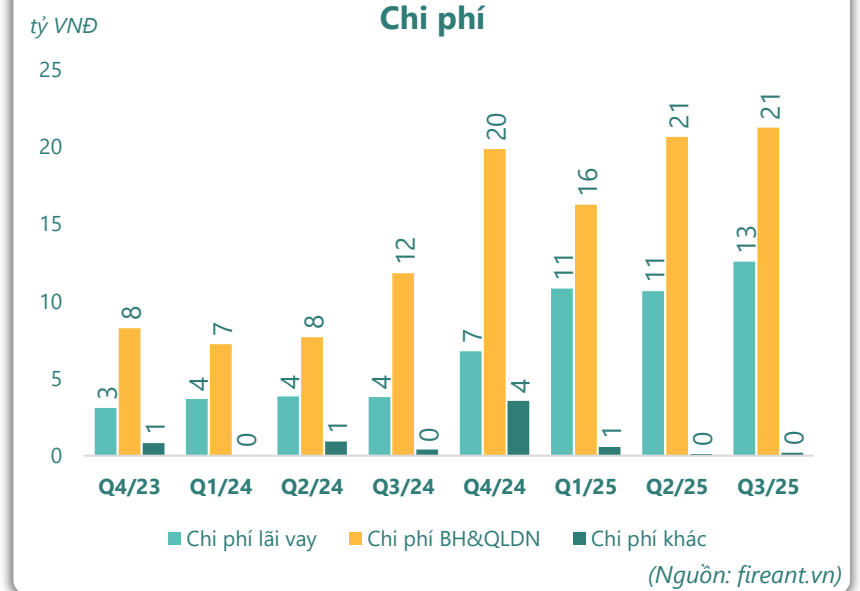
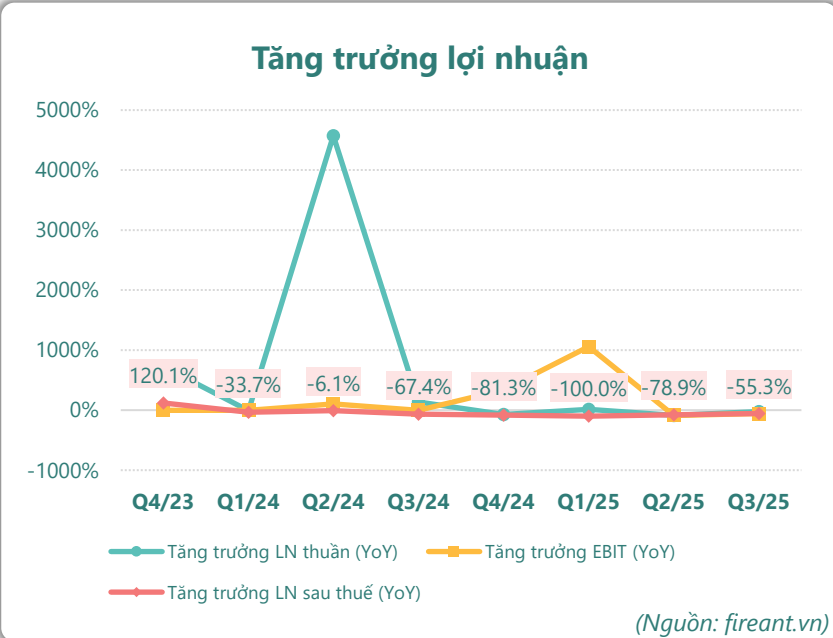
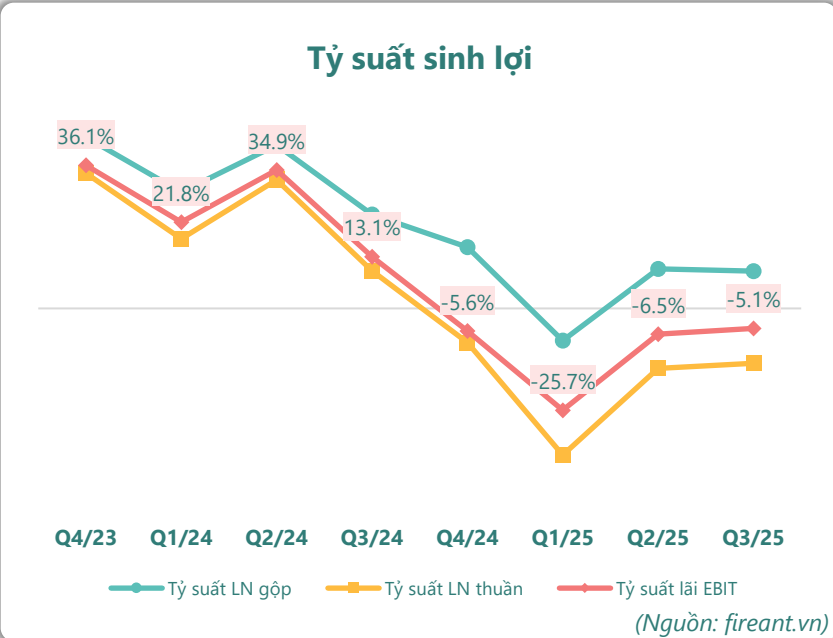
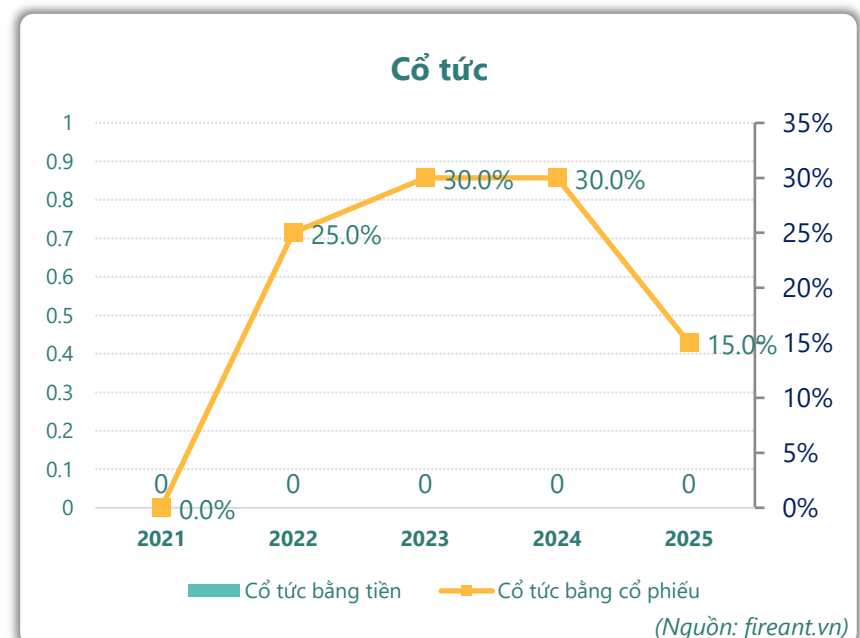
DT thuần 9T 2025
362
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.0 8.9%

LN thuần 9T 2025
-73.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 142 -206%

LN sau thuế 9T 2025
-74.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 137 -219%



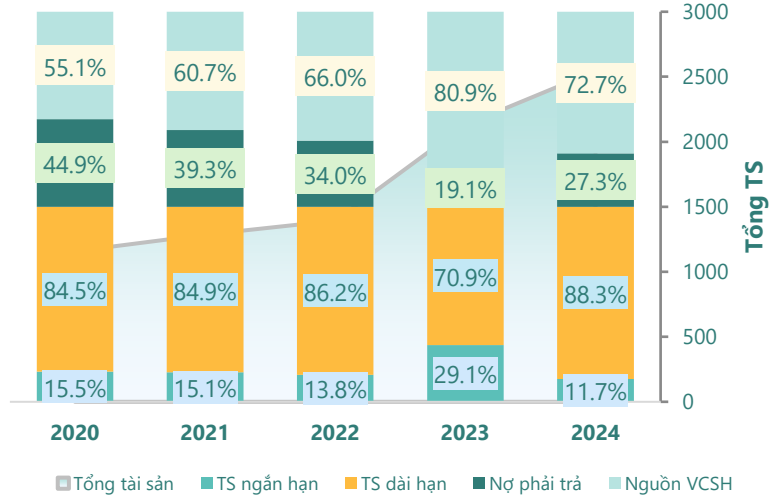
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

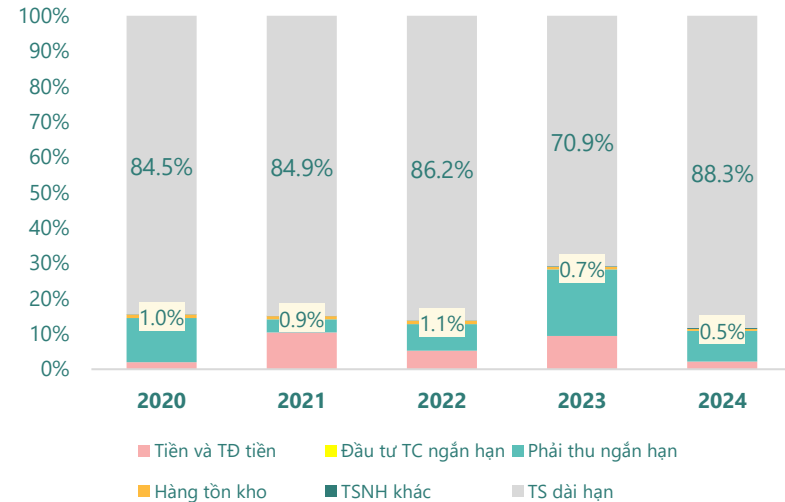
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

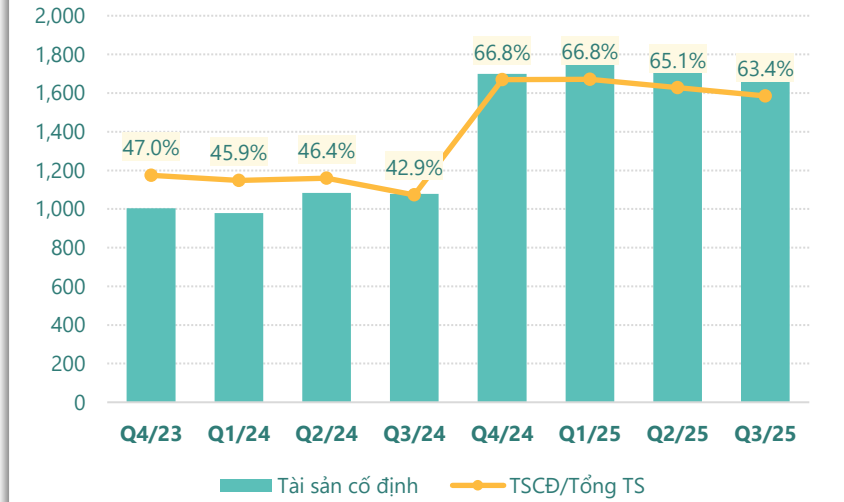
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

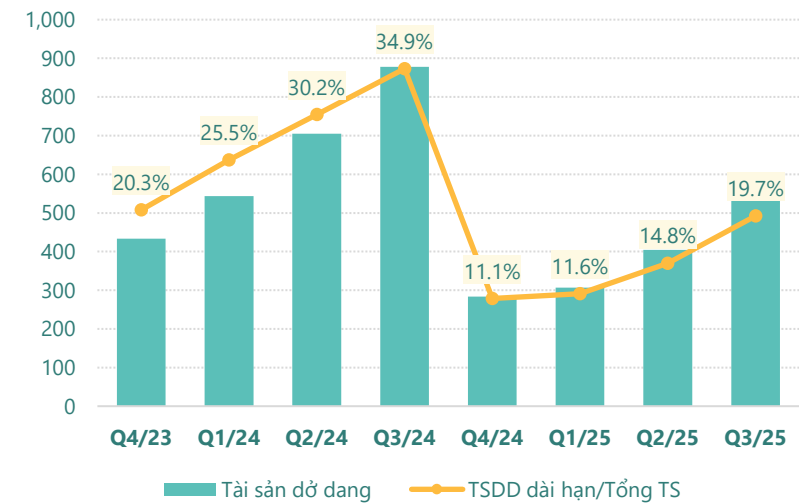
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

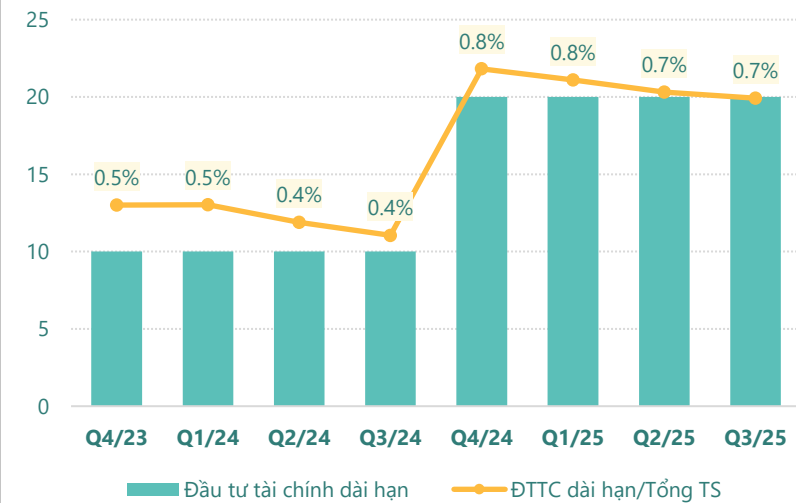
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

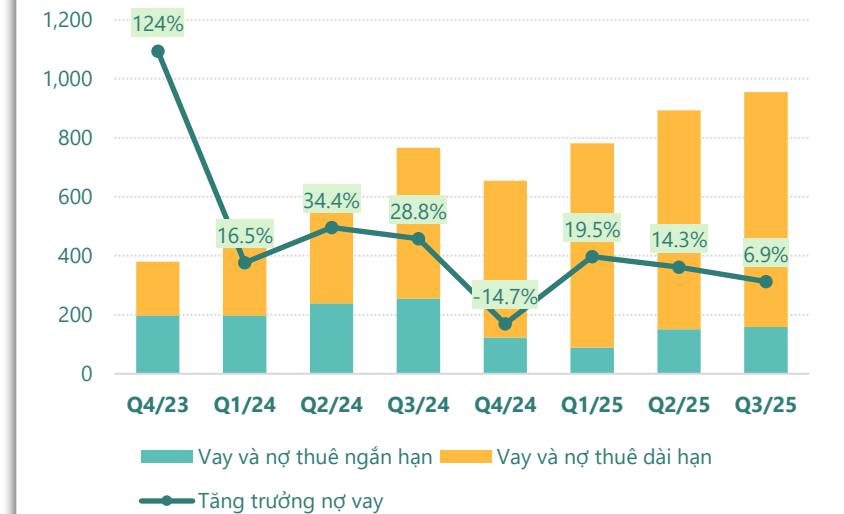
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

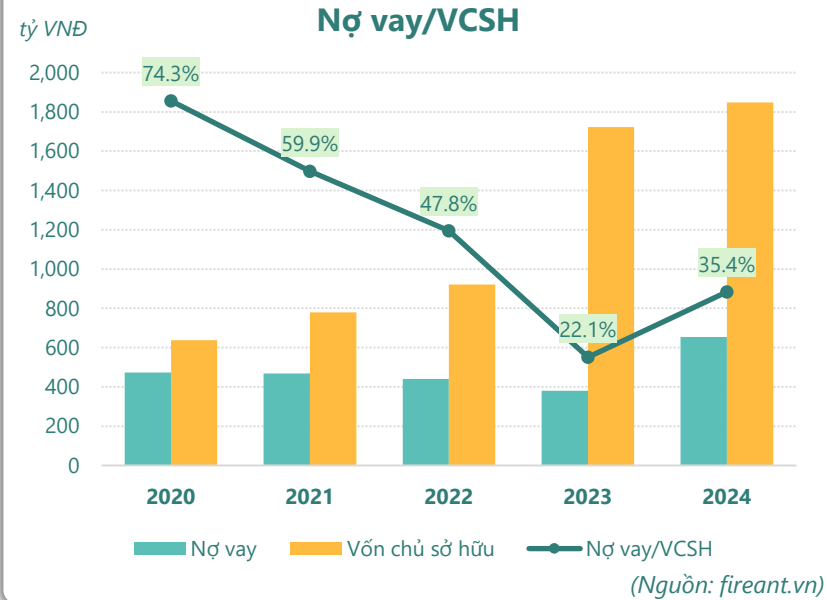
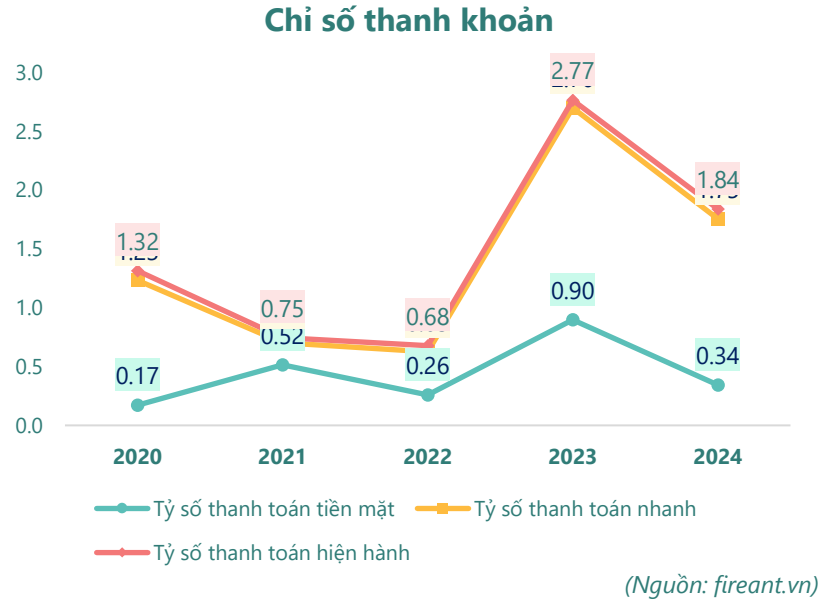
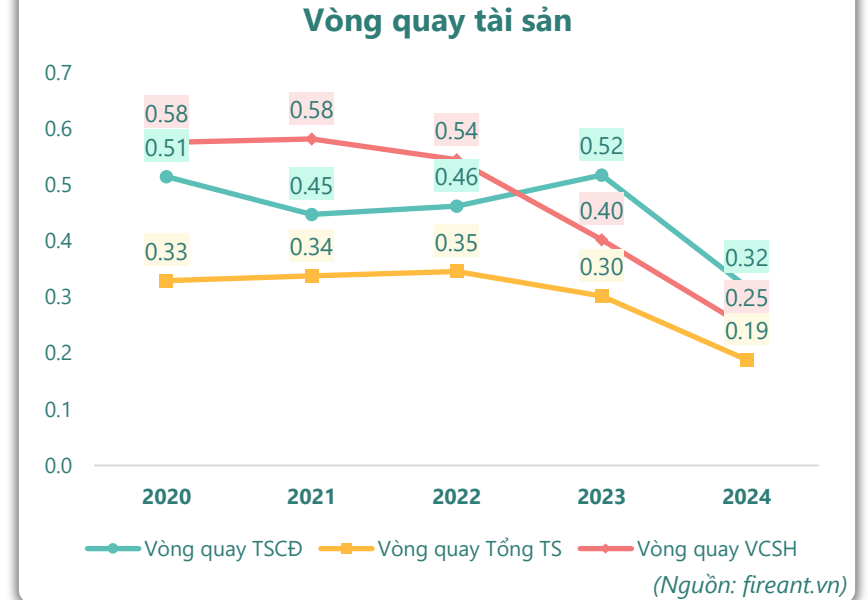
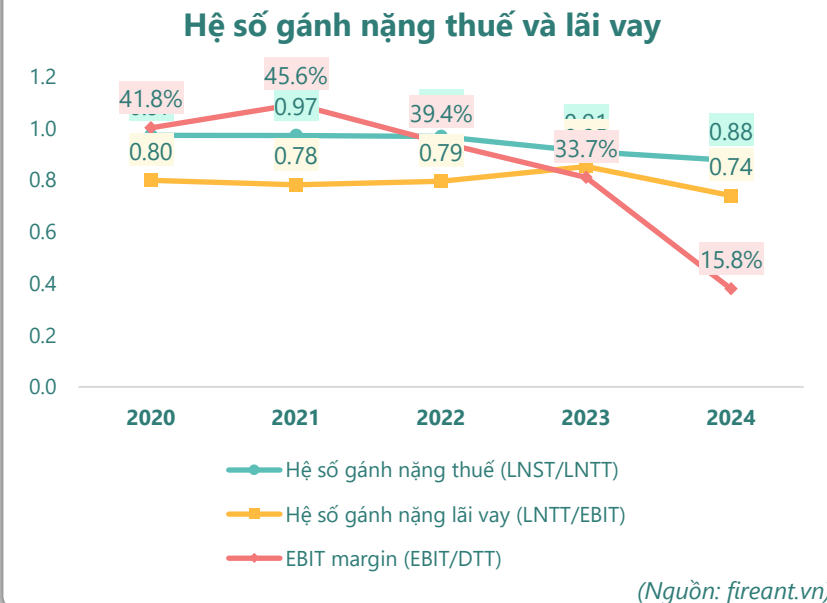
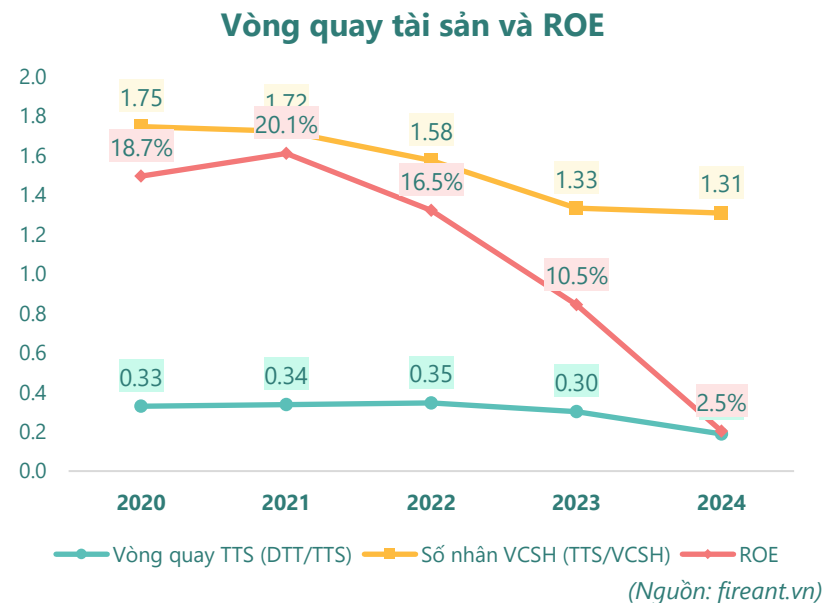
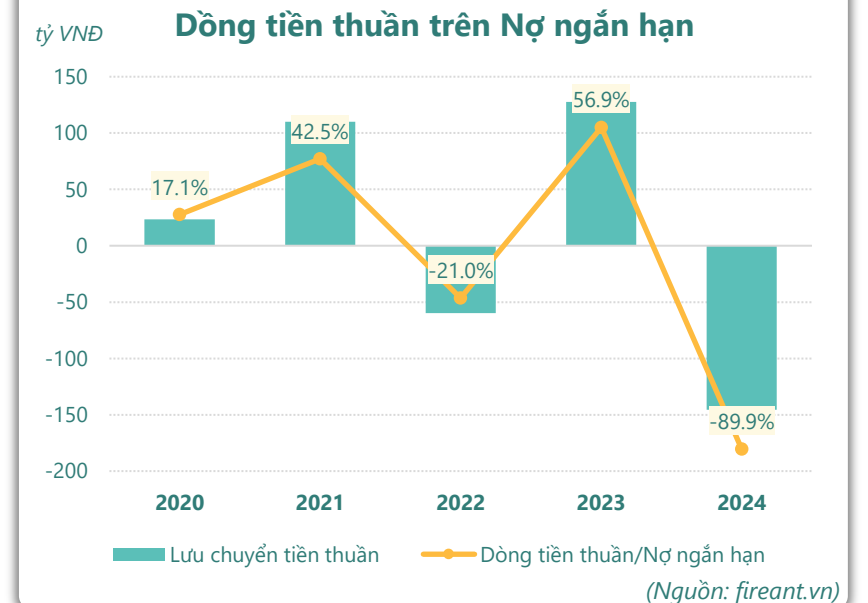
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	146	110	32.4%	362	332	8.9%
Giá vốn hàng bán	132	83.9	57.2%	344	226	52.2%
Lợi nhuận gộp	13.7	26.1	-47.5%	18.3	107	-82.8%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	66.7%	0.71	0.05	1343%
Chi phí TC	12.6	3.81	230%	34.1	11.3	201%
Chi phí lãi vay	12.6	3.81	230%	34.1	11.3	201%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.20	0.69	219%	5.07	1.77	187%
Chi phí QLDN	19.1	11.1	71.7%	53.1	25.0	113%
LN thuần từ HĐKD	-20.1	10.4	-294%	-73.2	68.8	-206%
Lợi nhuận khác	0.18	0.10	84.0%	-0.14	-0.20	31.4%
LN trước thuế	-19.9	10.5	-290%	-73.4	68.6	-207%
Lợi nhuận sau thuế	-20.6	9.19	-324%	-74.7	62.6	-219%
LNST của CĐ cty mẹ	-20.6	9.25	-322%	-74.7	62.8	-219%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-81.8	18.3	123	-62.5	-10.7	72.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-131	-164	-154	-37.1	-142	-141
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	152	171	39.7	127	111	62.1
Tiền đầu kỳ	81.7	21.5	47.3	55.6	83.3	42.4
Lưu chuyển tiền thuần	-60.2	25.8	9.46	27.7	-40.9	-6.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.5	47.3	56.8	83.3	42.4	36.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,788	2,544	9.6%
Tài sản ngắn hạn	277	298	-7.2%
Tiền và tương đương tiền	36.1	55.6	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	209	221	-5.3%
Hàng tồn kho	23.0	13.9	65.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.52	7.97	7.0%
Tài sản dài hạn	2,511	2,246	11.8%
Phải thu dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản cố định	1,766	1,760	0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	549	288	90.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	79.6	81.9	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,014	695	45.8%
Nợ ngắn hạn	217	162	34.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	158	121	31.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.6	24.1	43.6%
Nợ dài hạn	797	533	49.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	797	533	49.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,774	1,849	-4.1%
Vốn chủ sở hữu	1,774	1,849	-4.1%
Vốn điều lệ	1,442	1,442	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

